

DANH SÁCH 60 XÃ MIỀN NÚI TỈNH ĐỒNG NAI

STT	Tên xã	Số QĐ	Ngày QĐ	Xã khu vực I, II, III	Cơ quan ban hành
	Thị xã Long Khánh				
1	Xã Xuân Tân	08/UB-QĐ	4/3/1994	1	Ủy ban Dân tộc
2	Xã Hàng Gòn	68/UB-QĐ	9/8/1997	3	(xã Xuân Thành - Huyện Long Thành)
3	Xã Xuân Lập	08/UB-QĐ	4/3/1994	2	
4	Xã Bàu Sen	68/UB-QĐ	9/8/1997	2	
5	Xã Suối Tre	68/UB-QĐ	9/8/1997	1	
	Huyện Vĩnh Cửu				
1	Thị trấn Vĩnh An	21/UB-QĐ	26/1/1993	2	A2/UB-QĐ 23/5/1993
2	Xã Trị An	21/UB-QĐ	26/1/1993	2	
3	Xã Phú Lý	21/UB-QĐ	26/1/1993	2	
4	Xã Mã Đà	363/2005/QĐ	15/8/2005	2	
5	Xã Hiếu Liêm	363/2005/QĐ	15/8/2005	2	
	Huyện Trảng Bom				
1	Xã Đồi 61	21/UB-QĐ	26/1/1993	3	
2	Xã An Viễn	21/UB-QĐ	26/1/1993	2	
	Huyện Thống Nhất				
1	Xã Lộ 25	21/UB-QĐ	26/1/1993	2	
2	Xã Xuân Thạnh	08/UB-QĐ	4/3/1994	3	
	Huyện Cẩm Mỹ				
1	Xã Long Giao	68/UB-QĐ	9/8/1997	2	
2	Xã Nhân Nghĩa	68/UB-QĐ	9/8/1997	3	
3	Xã Xuân Mỹ	08/UB-QĐ	4/3/1994	2	
4	Xã Lâm San	68/UB-QĐ	9/8/1997	2	
5	Xã Sông Ray	08/UB-QĐ	4/3/1994	2	
6	Xã Xuân Đông	21/UB-QĐ	26/1/1993	2	
7	Xã Xuân Tây	21/UB-QĐ	26/1/1993	2	
8	Xã Bảo Bình	68/UB-QĐ	9/8/1997	2	
9	Xã Xuân Bảo	08/UB-QĐ	4/3/1994	2	
	Huyện Xuân Lộc				
1	Thị trấn Gia Ray	68/UB-QĐ	9/8/1997	1	
2	Xã Xuân Bắc	21/UB-QĐ	26/1/1993	2	
3	Xã Xuân Thọ	21/UB-QĐ	26/1/1993	2	
4	Xã Xuân Thành	21/UB-QĐ	26/1/1993	2	
5	Xã Xuân Trường	21/UB-QĐ	26/1/1993	2	
6	Xã Xuân Tâm	08/UB-QĐ	4/3/1994	2	
7	Xã Xuân Hòa	21/UB-QĐ	26/1/1993	2	

STT	Tên xã	Số QĐ	Ngày QĐ	Xã khu vực I, II, III	Cơ quan ban hành
8	Xã Xuân Hưng	08/UB-QĐ	4/3/1994	2	
9	Xã Suối Cao	68/UB-QĐ	9/8/1997	3	
	Huyện Định Quán				
1	Thị trấn Định Quán	08/UB-QĐ	4/3/1994	1	
2	Xã Túc Trung	68/UB-QĐ	9/8/1997	2	
3	Xã Suối Nho	21/UB-QĐ	26/1/1993	2	
4	Xã Phú Túc	08/UB-QĐ	4/3/1994	2	
5	Xã La Ngà	68/UB-QĐ	9/8/1997	2	
6	Xã Phú Ngọc	08/UB-QĐ	4/3/1994	2	
7	Xã Thanh Sơn	68/UB-QĐ	9/8/1997	2	
8	Xã Ngọc Định	68/UB-QĐ	9/8/1997	1	
9	Xã Gia Canh	68/UB-QĐ	9/8/1997	2	
10	Xã Phú Lợi	68/UB-QĐ	9/8/1997	1	
11	Xã Phú Vinh	68/UB-QĐ	9/8/1997	2	
12	Xã Phú Tân	68/UB-QĐ	9/8/1997	3	
13	Xã Phú Hòa	08/UB-QĐ	4/3/1994	1	
	Huyện Tân Phú				
1	Thị trấn Tân Phú	68/UB-QĐ	9/8/1997	1	
2	Xã Phú Điền	21/UB-QĐ	26/1/1993	2	
3	Xã Trà Cổ	08/UB-QĐ	4/3/1994	1	
4	Xã Thanh Sơn	68/UB-QĐ	9/8/1997	3	
5	Xã Phú Bình	21/UB-QĐ	26/1/1993	2	
6	Xã Phú Trung	68/UB-QĐ	9/8/1997	2	
7	Xã Phú Sơn	68/UB-QĐ	9/8/1997	2	
8	Xã Đaklua	21/UB-QĐ	26/1/1993	3	
9	Xã Nam Cát Tiên	21/UB-QĐ	26/1/1993	3	
10	Xã Núi Tượng	21/UB-QĐ	26/1/1993	2	
11	Xã Tà Lài	68/UB-QĐ	9/8/1997	3	
12	Xã Phú Lập	21/UB-QĐ	26/1/1993	3	
13	Xã Phú Thịnh	68/UB-QĐ	9/8/1997	2	
14	Xã Phú Lộc	08/UB-QĐ	4/3/1994	1	
15	Xã Phú An	21/UB-QĐ	26/1/1993	2	

Riêng thị trấn Vĩnh An và xã Trị An trước đây công nhận 02 lâm Trường Mã Đà và Hiếu Liêm là khu vực miền núi, nay 02 xã Mã Đà và Hiếu Liêm đã được Ủy ban Dân tộc công nhận là miền núi rồi. Từ đó đến giờ vẫn tính cho xã miền núi cho thị trấn Vĩnh An và xã Trị An.

~~Ký: 08/1994~~ - 83680

ỦY BAN
DÂN TỘC VÀ MIỀN NÚI

Số: 08 /UB-QĐ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Tổng lý tưởng - Tự do - Hạnh phúc

Hà Nội, ngày

Tháng 3 năm 1994

Giờ phút

448 A

AM

19.3.94

QUYẾT ĐỊNH

CỦA BO TRƯỞNG - CHỦ NHIỆM ỦY BAN DÂN TỘC VÀ MIỀN NÚI

Về việc công nhận các xã, huyện, tỉnh là miền núi vùng cao

vùng cao (đvt III) và danh sách kèm theo

(tại văn bản số 1583/NQ-TTg ngày 27/12/1992)

BO TRƯỞNG - CHỦ NHIỆM ỦY BAN DÂN TỘC VÀ MIỀN NÚI

- Căn cứ Nghị định của Chính phủ số 11-CP ngày 20-2-1993 về chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và tổ chức bộ máy của Ủy ban Dân tộc và Miền núi;
- Căn cứ quyết định của Thủ tướng Chính phủ ủy quyền Bộ trưởng Chủ nhiệm Ủy ban Dân tộc và Miền núi công nhận các xã, huyện, tỉnh là miền núi, vùng cao (tại văn bản số 1583/NQ-TTg ngày 27/12/1992 của Văn phòng Chính phủ);
- Theo đề nghị của Ủy ban Nhân dân các tỉnh và có sự nhất trí của Văn phòng Chính phủ, Ban Tổ chức cán bộ của Chính phủ, Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội, Cục Lao động và BẢN ĐỒ NHÀ NƯỚC;

QUYẾT ĐỊNH

Điều 1. Nay công nhận (đvt III) các xã, huyện, tỉnh là miền núi, vùng cao (danh sách kèm theo).

Điều 2. Danh sách các xã, huyện, tỉnh miền núi, vùng cao là căn cứ để thực hiện các chủ trương chính sách phát triển kinh tế - xã hội như đã ghi trong Nghị quyết 22/NQ-TW ngày 22-11-1989 của Bộ Chính trị và Quyết định 72/HUBT ngày 13-3-1990 của Hội đồng Bộ trưởng.

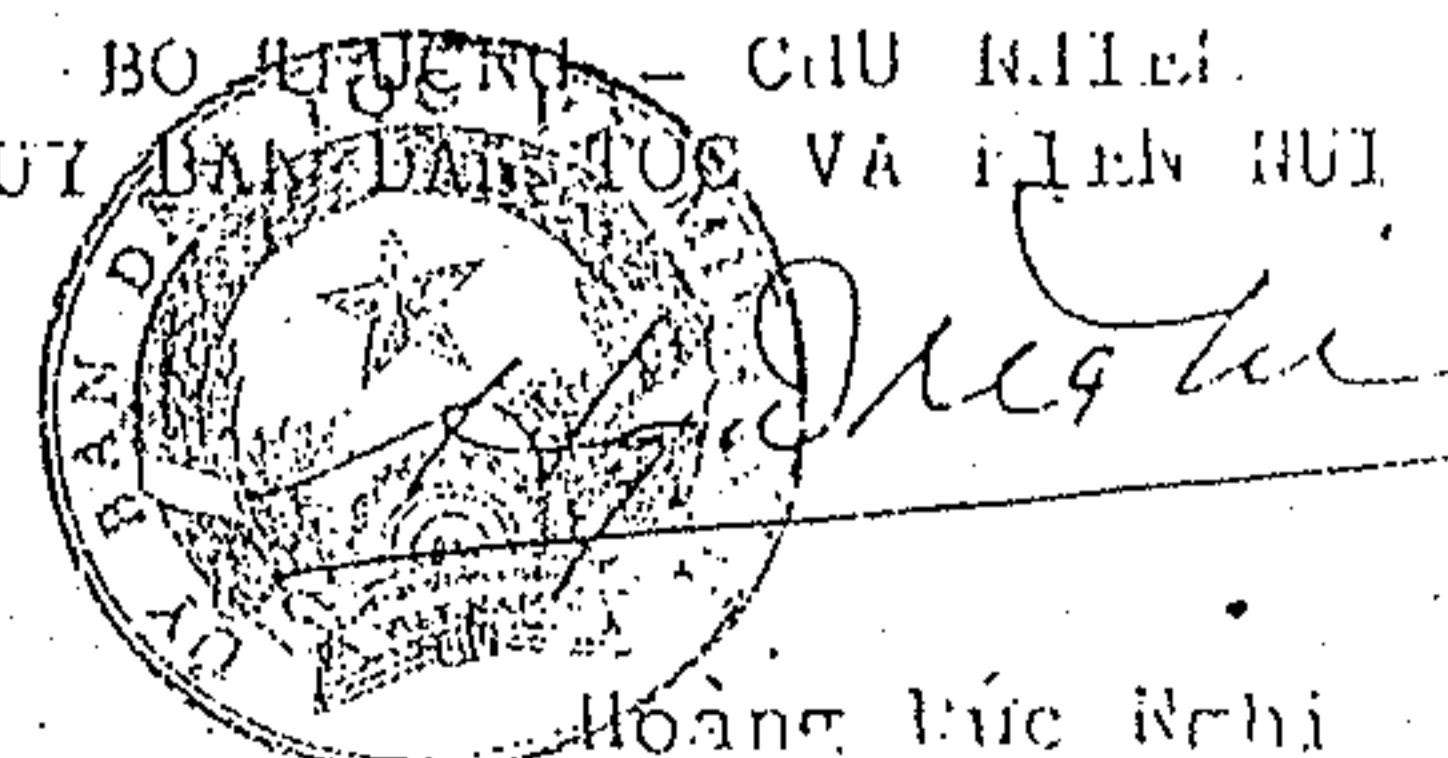
Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Điều 4. Bộ trưởng các Bộ, cơ quan ngang Bộ, Thủ trưởng các cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch UBND các tỉnh có liên quan chịu trách nhiệm thi hành quyết định này.

Nơi nhận:

- VPTW Làng
- VP Quốc hội
- VP Chủ tịch nước
- Các Bộ, cơ quan ngang Bộ,
- các cơ quan thuộc Chính phủ
- Ủy ban Nhân dân các tỉnh

BO TRƯỞNG - CHỦ NHIỆM
ỦY BAN DÂN TỘC VÀ MIỀN NÚI



Hoàng Đức Nhị

08-06-04

II. TỈNH ĐỒNG NAI.

- 1) Huyện Xuân Lộc là huyện miền núi (11/15)
 - Xuân Lộc là xã miền núi
 - Xuân Tân " "
 - Xuân Bảo ^{Bảo Định} "
 - Sông Ray + Lãnh Sơn "
- 2) Huyện Định Quán là huyện miền núi (5/7)
 - Phú Ngọc là xã miền núi
 - Phú Hòa " "
 - Phú Hoa "
 - Định Quán "
 - Phú Túc "
- 3) Huyện Tân Phú
 - Phú Lộc là xã miền núi + phủ thành
 - Trà Cò " "
- 4) Long Khánh
 - Xuân Tân là xã miền núi
 - Xuân Lập, Lập Sơn, Suối Tre.
 - Xuân Mỹ, Long Giang "
 - Xuân Thành "

ỦY BAN
DÂN TỘC & MIỀN NÚI

Số: 68 /UBQĐ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hà Nội, ngày 9 tháng 8 năm 1997

QUYẾT ĐỊNH CỦA BỘ TRƯỞNG - CHỦ NHIỆM
ỦY BAN DÂN TỘC VÀ MIỀN NÚI
V/v công nhận các xã, huyện, tỉnh là miền núi, vùng cao

BỘ TRƯỞNG - CHỦ NHIỆM ỦY BAN DÂN TỘC VÀ MIỀN NÚI

- Căn cứ Nghị định của Chính phủ số 11/CP ngày 20/2/1993 về chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và tổ chức bộ máy của Ủy ban Dân tộc và Miền núi;
- Căn cứ quyết định của Thủ tướng Chính phủ ủy quyền Bộ trưởng - Chủ nhiệm Ủy ban Dân tộc và Miền núi công nhận các xã, huyện, tỉnh là miền núi, vùng cao (tại văn bản số 1583/NĐ ngày 22/12/1992 của Văn phòng Chính phủ);
- Theo đề nghị của Ủy ban Nhân dân các tỉnh và cơ sở nhất trí của Văn phòng Chính phủ, Ban Tổ chức cán bộ của Chính phủ, Bộ Lao động-Thương binh và Xã hội; Tổng cục Địa chính;

QUYẾT ĐỊNH

Điều 1- Nay công nhận (đot V) các xã, huyện, tỉnh là miền núi, vùng cao (xem sách kèm theo).

Điều 2- Danh sách các xã, huyện, tỉnh miền núi, vùng cao là căn cứ để triển khai các chủ trương chính sách phát triển kinh tế-xã hội như đã ghi trong nghị quyết 22/NQ-TW ngày 22/11/1989 của Bộ Chính trị và Quyết định 72/HĐBT ngày 13/3/1990 của Hội đồng Bộ trưởng.

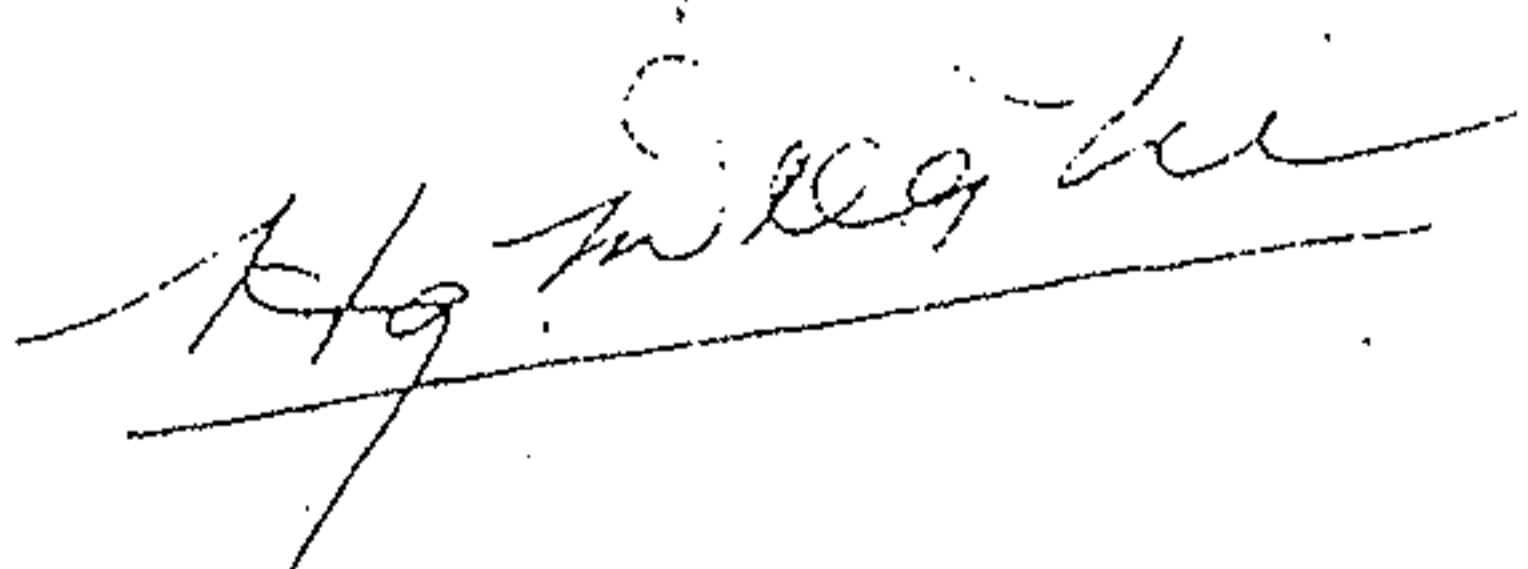
Điều 3- Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 4- Bộ trưởng các Bộ, cơ quan ngang Bộ, Thủ trưởng các cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch UBND các tỉnh có liên quan chịu trách nhiệm thi hành quyết định này.

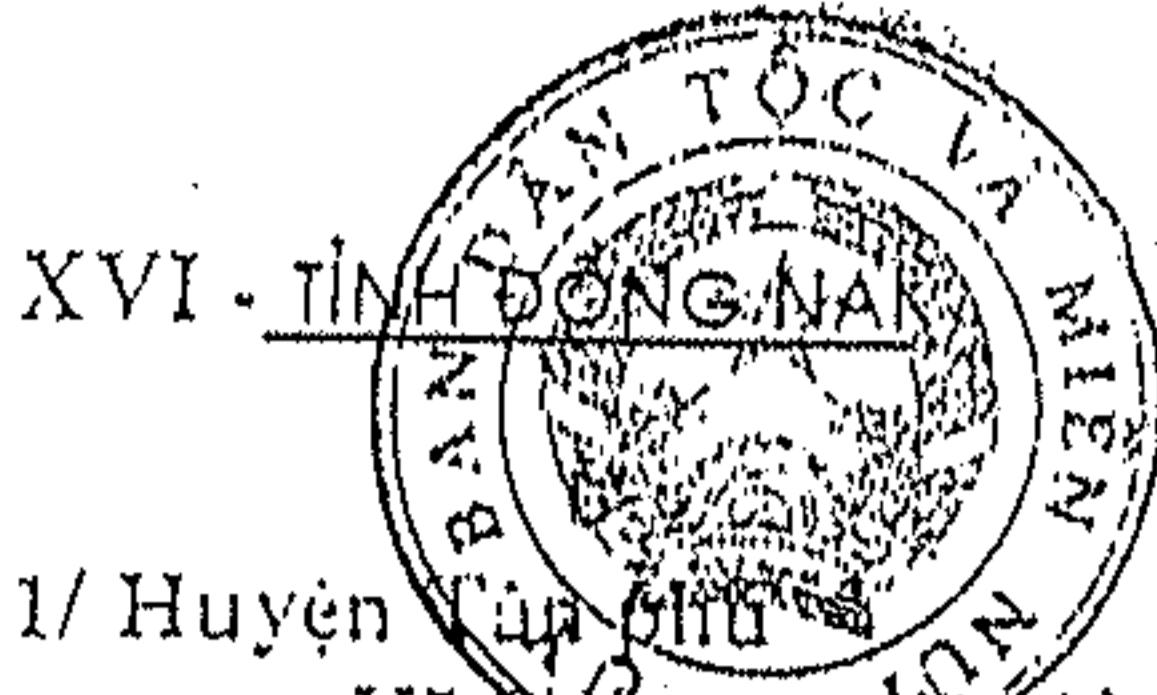
Nơi nhận:

- VPTW Đảng
- VP Quốc hội
- VP Chủ tịch nước
- Các Bộ, cơ quan ngang Bộ,
các cơ quan thuộc Chính phủ
- UBND các tỉnh

BỘ TRƯỞNG-CHỦ NHIỆM
ỦY BAN DÂN TỘC & MIỀN NÚI



Hoàng Đức Nghi



1/ Huyện Cửu Phước

- Xã Phú trung là miền núi
- Xã Phú sơn là miền núi
- Xã Phú thịnh là miền núi
- Xã Tân phú là miền núi
- Xã Tà lái là miền núi
- Xã Thanh sơn là miền núi

2/Huyện Định quán

- Xã Phú lợi là miền núi
- Xã Phú vinh là miền núi
- Xã Phú tân là miền núi
- Xã Gia canh là miền núi
- Xã Ngọc định là miền núi
- Xã Thanh sơn là miền núi
- Xã La ngà là miền núi
- Xã Túc Trung là miền núi

3/ Huyện Xuân Lộc

- Xã Bảo bình là miền núi
- Xã Lâm sang là miền núi
- Xã Suối cao là miền núi
- TT Gia ray là miền núi

4/ Huyện Long khánh

- Xã Bàn sen là miền núi
- Xã Suối tre là miền núi
- Xã Xuân thanh là miền núi
- Xã Nhân nghĩa là miền núi
- Xã Long giao là miền núi

UBND TỈNH ĐỒNG NAI

Số: 961 /SY

Nơi nhận:

- Các đ/c TT.UBT
- NN-PTNT, TCCQ, TMDL, KHĐT, TCVG, DC, ED-TBXH
- Huyện: Tân Phú, Định Quán, Xuân Lộc, Long Khanh
- Chánh - Phó VP
- Lưu VT - TH (anh Tiến)
- TT.TU, TT.HĐND

SAO Y BẢN CHÍNH

Biên Hòa, ngày 26 tháng 08 năm 1997

TL. CHỦ TỊCH UBND TỈNH ĐỒNG NAI



Trần Sỹ Huấn

UỶ BAN DÂN TỘC
VÀ MIỀN NÚI

CONG HOA XA HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

-o-

Số: 21 /UB-QD

Hà Nội, ngày 26 tháng 1 năm 1993

QĐ số 11
QUYẾT ĐỊNH CỦA BỘ TRƯỞNG-CHỦ NHIỆM

UY BAN DÂN TỘC VÀ MIỀN NÚI
VỀ CÔNG NHẬN CÁC XÃ, HUYỆN, TỈNH
LÀ MIỀN NÚI, VÙNG CAO

QĐ số 11
BỘ TRƯỞNG, CHỦ NHIỆM UY BAN DÂN TỘC VÀ MIỀN NÚI

TBN/93
- Căn cứ Nghị quyết ngày 30/9/1992 của Quốc hội nước Cộng hòa xã hội Chủ nghĩa Việt Nam kỳ họp thứ I khóa IX về việc qui định các Bộ và các cơ quan ngang Bộ của Chính phủ.

- Căn cứ Quyết định của Thủ tướng Chính phủ ủy quyền Bộ trưởng-Chủ nhiệm Ủy ban dân tộc và Miền Núi công nhận các xã, huyện, tỉnh là miền núi, vùng cao (tại văn bản số 1583/NC ngày 22/12/1992 của Văn phòng Chính phủ).

- Theo đề nghị của UBND các tỉnh Miền Núi, các tỉnh có miền núi và vùng cao, đã có sự nhất trí của Ban tổ chức cán bộ Chính phủ, Bộ Lao động thương binh và xã hội, Cục đo đạc và bản đồ Nhà nước;

(1) QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1: Nay công nhận các xã, huyện, tỉnh là Miền núi, vùng cao (danh sách kèm theo).

Điều 2: Danh sách các xã, huyện, tỉnh miền núi, vùng cao là căn cứ để thực hiện các chủ trương chính sách phát triển kinh tế-xã hội như đã ghi trong Nghị quyết 22/NQ-TW ngày 22/11/1989 của Bộ Chính trị và Quyết định 72/HDBT ngày 13/3/1990 của Hội đồng Bộ trưởng.

Điều 3: Bộ trưởng, các Bộ, cơ quan ngang Bộ, Thủ trưởng các cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch UBND các tỉnh có liên quan chịu trách nhiệm thi hành quyết định này.

Điều 4: Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

BỘ TRƯỞNG-CHỦ NHIỆM
UY BAN DÂN TỘC VÀ MIỀN NÚI
Đã ký: Hoàng Đức Nghi.

UBND TỈNH ĐỒNG NAI

Số: 11/11/SY

Nơi nhận:

- Các đ/c trong TT.UBT
- Các sở, ban, ngành

SAO Y BAN CHINH
Biên hòa, ngày 4 tháng 3 năm 1993
TL. CHỦ TỊCH UBND TỈNH ĐỒNG NAI
KT. CHANH VAN PHONG
PHO VAN PHONG

33.00.00 TỈNH ĐỒNG NAI
(Là tỉnh có miền núi)

33.01.00 Huyện Tân Phú (8/12) (là huyện miền núi)

- 33.01.01 xã Nam Cát Tiên
- 33.01.02 xã Đức Lương
- 33.01.03 xã Núi Tượng
- 33.01.04 xã Phú An
- 33.01.05 xã Phú Bình
- 33.01.06 xã Phú Điền
- 33.01.07 xã Phú Lập
- 33.01.08 xã Suối Nhỏ

⑧ 33.02.00 Huyện Tháy Thành (4/19)

- 33.02.01 xã Chäu Pha
- 33.02.02 xã Hắc Dịch
- 33.02.03 xã Lắng Lón
- 33.02.04 xã Yuan Sơn

33.03.00 huyện Xuân Lộc (7/14)

- 33.03.01 xã Xuân Bắc
- 33.03.02 xã Xuân Đồng
- 33.03.03 xã Xuân Tây
- 33.03.04 xã Xuân Trường
- 33.03.05 xã Xuân Thành
- 33.03.06 xã Xuân Thọ
- 33.03.07 xã Xuân Hòa

⑨ 33.04.00 huyện Xuyên Mộc (4/11)

- 33.04.01 xã Bình Châu
- 33.04.02 xã Bàu Lâm
- 33.04.03 xã Bồng Trang
- 33.04.04 xã Bưng Riềng

33.05.00 huyện Thống Nhất (3/17)

- 33.05.01 xã Dài 61
- 33.05.02 xã Lộ 25
- 33.05.03 xã An Viễn